BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ ANH THI**

# CẢI THIỆN TÌNH HÌNH SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

**Công trình được hoàn thành tại**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học **: PGS. TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 2: **TS. TRẦN HỮU LÂN**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục mầm non góp phần cùng với sự phát triển của giáo dục Việt Nam đào tạo ra những con người có năng lực, phát triển toàn diện không những cả về phẩm chất trí tuệ, phẩm chất đạo đức mà còn có đầy đủ sức khoẻ để sẵn sàng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước và phát triển kinh tế xã hội trong tương lai.

Mục tiêu giáo dục mầm non đã nhấn mạnh đến chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó phát triển thể chất được đặt ra trong mối quan hệ tổng thể với các mặt phát triển khác: " Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ dưới 6 tuổi để phát triển một cách toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ". Cơ thể trẻ em đang phát triển rất nhanh về thể chất và tinh thần, đặc biệt trong thời kỳ bào thai và 5 năm đầu của cuộc đời, do vậy nhu cầu dinh dưỡng của trẻ rất cao. Ở giai đoạn này cơ thể trẻ còn non yếu về chức năng các bộ phận cơ thể, nhất là chức năng tiêu hoá, là giai đoạn thích ứng với môi trường, nhạy cảm với bệnh tật và cũng là giai đoạn tiền đề cho sức khoẻ và trí tuệ sau này, tác động trục tiếp vào sự phát triển toàn diện của trẻ. Việc cung cấp không đầy đủ, không đúng khẩu phần dinh dưỡng sẽ làm cho trẻ dễ mắc các bệnh về dinh dưỡng.

Ở nước ta trong những năm gần đây, nhờ sự tăng trưởng của nền kinh tế, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội, trong đó có sự nỗ lực phấn đấu của ngành Giáo dục - Đào tạo đã cải thiện đáng kể chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, mà chăm sóc dinh dưỡng là khâu quan trọng. Nhờ đó tình trạng suy sinh dưỡng ở trẻ em giảm đáng kể. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở Việt Nam vẫn còn rất cao, nhất là những tỉnh vùng

sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đồng thời tại các vùng đô thị lớn thì một số bệnh do dinh dưỡng không khoa học lại xuất hiện và có xu hướng tăng nhanh như béo phì, cao huyết áp và một số bệnh tim mạch khác. Tình trạng suy dinh dưỡng và một số bệnh về dinh dưỡng có liên quan mật thiết đến công tác chăm sóc, giáo dục dinh dưỡng cho trẻ em ở các trường mầm non và gia đình.

Việc nâng cao sức khoẻ, cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em là rất cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên việc nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng, tìm ra giải pháp tối ưu cho vấn đề chăm sóc, giáo dục dinh dưỡng trẻ em tại các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung còn rất hạn chế, chưa được tiến hành thường xuyên.

Để đóng góp dẫn liệu về tình hình suy dinh dưỡng trẻ em hiện nay và một số giải pháp khắc phục, tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài ***"Cải thiện tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em trong các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng"***

**2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Khái quát được lý luận về cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em trong độ tuổi mầm non

- Đánh giá được thực trạng cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ tại một số trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

-Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp cải thiện tình hình suy dinh dưỡng của trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Tập trung vào việc cải thiện tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em trong các trường mầm non trên địa bàn quận

Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng ***nhưng dưới góc độ hoàn thiện chính sách của các cơ quan chính quyền tác động tới quá trình cải thiện tình trạng này***.

- Phạm vi nghiên cứu:

- Nội dung: hoàn thiện chính sách cải thiện tình trạng trạng suy dinh dưỡng cho trẻ em trong các trường mầm non

Không gian: các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

+ Phương pháp nghiên cứu lý luận: đọc, thu thập, tổng hợp và khái quát hoá tài liệu liên quan đến lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu làm cơ sở lý luận cho đề tài.

+ Phương pháp phân tích thống kê, mô tả so sánh, khảo sát thực tế, đánh giá, và thực chứng.

+ Số liệu chủ yếu từ thống kê của Chi cục thống kê quận Ngũ Hành Sơn và các báo cáo về giáo dục, y tế…. Trong đó có báo cáo khảo sát đánh giá tình hình suy dinh dưỡng và tình hình thực hiện công tác chỉ đạo giải quyết vấn đề suy dinh dưỡng của trẻ em ở quận Ngũ Hành Sơn của Phòng Giáo dục, Y tế, Nội vụ quận Ngũ Hành Sơn.

**5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về suy dinh dưỡng.

Đánh giá tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em trong các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đề xuất giải pháp cải thiện tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em trong các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**6. Tổng quan tài liệu**

# CHƯƠNG 1
# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CẢI THIỆN SUY DINH DƯỠNG CHO TRẺ

## 1.1. SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM TUỔI MẦM NON

### 1.1.1. Dinh dưỡng

Dinh dưỡng là tình trạng cơ thể được cung cấp đầy đủ, cân đối các thành phần các chất dinh dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn vẹn, tăng trưởng của cơ thể để đảm bảo chức năng sinh lý và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội.

Dinh dưỡng là quá trình cung cấp năng lượng từ thức ăn và chuyển hóa năng lượng trong tế bào để nuôi dưỡng cơ thể.

### 1.1.2. Tình trạng dinh dưỡng

Tình trạng dinh dưỡng là tập hợp các đặc điểm chức phận, cấu trúc và hoá sinh phản ánh mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. Tình trạng dinh dưỡng của cá thể là kết quả của ăn uống và sử dụng các chất dinh dưỡng của cơ thể.

### 1.1.3. Vai trò của dinh dưỡng đối với trẻ dưới 5 tuổi

Trẻ từ 1 đến 5 tuổi là giai đoạn phát triển thể lực và trí lực quan trọng có nguy cơ cao khi bị thiếu hụt dinh dưỡng.

Tầm vóc và chiều cao của mỗi người được xác định bởi tiềm năng di truyền và yếu tố môi trường bên ngoài trong đó có dinh dưỡng.

### 1.1.4. Suy dinh dưỡng

Suy dinh dưỡng (SDD) là tình trạng cơ thể thiếu protein, năng lượng và các vi chất dinh dưỡng (VCDD).

Theo Tiểu ban Dinh dưỡng của tổ chức Y tế Thế giới, suy dinh dưỡng là một trong những biểu hiện lâm sàng của bệnh thiếu dinh dưỡng ở trẻ em.

Suy dinh dưỡng là một kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó bao gồm 3 nhóm chính là tiêu thụ lương thực thực phẩm trực tiếp; chăm sóc và các yếu tố kinh tế xã hội gián tiếp khác như phúc lợi xã hội, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tương quan giữa văn hóa, giáo dục và xã hội.

**1.1.5. Nguyên nhân suy dinh dưỡng của trẻ em**

- Nguyên nhân trực tiếp: khẩu phần ăn thiếu và mắc các bệnh nhiễm khuẩn.

- Nguyên nhân tiềm tàng: Ba yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến suy dinh dưỡng là an ninh thực phẩm, thiếu sự chăm sóc và bệnh tật, và các yếu tố này chịu ảnh hưởng lớn của đói nghèo.

- Nguyên nhân cơ bản: đó là kiến trúc thượng tầng, chế độ XH, chính sách, nguồn tiềm năng.

**1.1.6 Hậu quả của suy dinh dưỡng trẻ em**

Suy dinh dưỡng trẻ em thường để lại những hậu quả nặng nề. Suy dinh dưỡng ảnh hưởng rõ rệt đến phát triển trí tuệ, hành vi khả năng học hành của trẻ, khả năng lao động đến tuổi trưởng thành.

Gần đây, nhiều bằng chứng cho thấy suy dinh dưỡng ở giai đoạn sớm, nhất là trong thời kỳ bào thai có mối liên hệ với mọi giai đoạn của chu kỳ vòng đời. Hậu quả của thiếu dinh dưỡng có thể kéo dài qua nhiều thế hệ.

Các bệnh mạn tính như: tim mạch, đái tháo đường, rối loạn chuyển hoá ở người trưởng thành có thể có nguồn gốc từ SDD bào thai. Bên cạnh đó, suy dinh dưỡng trẻ em còn gây ra những hậu quả về kinh tế và giáo dục.

## 1.2. NỘI DUNG CẢI THIỆN TÌNH TRẠNG SUY DINH DƯỠNG CHO TRẺ EM MẦM NON

*Trong nghiên cứu này tập trung vào cải thiện tình trạng này*

*dưới góc độ hoàn thiện chính sách tác động tới quá trình cải thiện tình trạng này.*

**1.2.1. Hoàn thiện chính sách cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ mầm non**

+ Làm tốt việc ban hành tiêu chuẩn và quy định về chất lượng lượng lương thực thực phẩm cho trẻ mầm non cũng như những hàng hóa dịch vụ liên quan

+ Tổ chức thông tin tuyên truyền cho các đối tượng liên quan về các tiêu chuẩn quy định này một cách sâu rộng cho các đối tượng;

+ Theo dõi, giám sát và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn quy định về chất lượng lượng lương thực thực phẩm cho trẻ cũng như những hàng hóa dịch vụ liên quan;

+ Xử lý và điều chỉnh các vi phạm về chất lượng lượng lương thực thực phẩm cho trẻ cũng như những hàng hóa dịch vụ liên quan.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất và điều kiện để thực hiện như cung cấp tài liệu, tư vấn chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở tốt hơn.

*Như vậy cải thiện công tác quản lý việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ mầm non là quá trình hoàn thiện và cải tiến tổ chức thực hiện tốt hơn công tác này bằng hoàn thiện phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện các quyết định quản lý để hoàn thành các mục tiêu tốt hơn.*

**1.2.2. Cải thiện chính sách bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế để hạn chế suy dinh dưỡng cho trẻ mầm non**

Cải thiện chính sách bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế là quá trình bảo đảm cơ chế và các biện pháp khác nhau tốt hơn theo hướng hoàn thiện hơn để không ngừng hoàn thiện điều kiện cung cấp các dịch vụ y tế và thực hiện chăm sóc y tế trong các cơ sở trường học và cho đối tượng suy dinh dưỡng, bao gồm cả điều kiện vật chất, trang

thiết bị, nhân viên và quy trình thực hiện…..

**1.2.3. Cải thiện công tác vệ sinh môi trường trong các trường học**

Vấn đề vệ sinh môi trường cũng rất quan trọng và liên quan mật thiết tới tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ.

Để cải thiện tình trạng sức khoẻ của trẻ em, ngoài việc chúng ta cần giải quyết tận gốc các vấn đề về môi trường (giảm thiểu các tác hại xấu của môi trường đối với sức khoẻ của trẻ), chúng ta cần truyền thông cho các đối tượng (các bà mẹ) về các biện pháp để phòng chống và hạn chế những ảnh hưởng xấu của môi trường đối với sức khoẻ, đồng thời tạo điều kiện để các bà mẹ có thể dễ dàng tiếp cận với các thông tin khi họ cần.

**1.2.4. Cải thiện quản lý chất lượng chăm sóc trẻ em**

Chăm sóc trẻ em là các hoạt động từ thu thập thông tin về tình hình sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, điều kiện chăm sóc y tế, và áp dụng các biện pháp nuôi dạy chăm sóc và phòng chống suy dinh dưỡng cho đối tượng này.

Quản lý chất lượng chăm sóc trẻ là hoạt động của các cơ quan chính quyền bằng các biện pháp khác nhau nhằm tác động vào đối tượng là các trường mầm non.

Cải thiện công tác này phải hướng tới khuyến khích các trường thực hiện tốt các quy trình giáo dục cho trẻ có chất lượng kèm với tăng cường phát triển sức khỏe thể chất cho trẻ.

Việc cải thiện chất lượng thực hiện thông qua nhiều hoạt động hay các chương trình khác nhau.

## 1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH TRẠNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

### 1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên về đất; nguồn nước tự nhiên; khí hậu, thời tiết tác động tới sức khỏe con người và cũng như ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe và suy dinh dưỡng của trẻ em trong các trường học. Suy dinh dưỡng ở trẻ thường do tổng hợp nhiều nhân tố gây ra. Một trong đó là trẻ sống trong môi trường khí hậu quá nóng hoặc quá lạnh làm tiêu hao năng lượng nhiều.

### 1.3.2. Tình hình kinh tế xã hội

Trình độ phát triển kinh tế xã hội không chỉ bảo đảm cơ sở vật chất mà còn cho phép phân bổ thích đáng nguồn lực cho xây dựng phát triển các cơ sở hạ tầng y tế và mở rộng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Đây là điều kiện để chăm sóc sức khỏe cho người dân và cải thiện tình hình suy dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

### 1.3.3. Đầu tư công tác chăm sóc trẻ em

Chăm sóc trẻ em suy cho cùng cũng là một hoạt động dịch vụ trong nền kinh tế cho dù ai thực hiện. Quá trình thực hiện này chắc chắn sẽ phải có các nguồn lực như vốn, lao động và kỹ thuật. Nguồn tài trợ cho công tác này có thể có nhiều nguồn theo quá trình xã hội hóa ngày càng rộng hiện nay. Tuy nhiên nguồn tài trợ của nhà nước cho dịch vụ y tế và chăm sóc trẻ ngoài vẫn có vai trò quyết định nhất là cho khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

# CHƯƠNG 2
# THỰC TRẠNG CẢI THIỆN SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

## 2.1. TÌNH HÌNH ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ- XÃ HỘI QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

### 2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

***Phát triển kinh tế***

Giai đoạn 2001 – 2007 tổng giá trị sản xuất trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn tăng bình quân 8,53%/năm.

Mặc dù tính trung bình tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn là khá cao nhưng không ổn định, có năm đạt tốc độ tăng trưởng rất cao, hơn năm trước như năm 2011 tăng 22,15%, nhưng lại có những năm tốc độ tăng trưởng thấp đặc biệt là năm 2012 tăng trưởng là 14,1%

Về cơ cấu kinh tế: nền kinh tế tăng trưởng không ổn định nên sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế cũng không ổn định, tỷ trọng công nghiệp giảm từ 56,3% năm 2008 xuống còn 43,73% vào năm 2012; tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 30,7% năm 2008 lên 51,85% năm 2012, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 13% năm 2008 xuống còn 4,43% vào năm 2012, do thu hồi đất nông nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng đi theo hướng đô thị loại 1 của thành phố.

Mặc dù cơ cấu kinh tế của quận đã chuyển dịch theo hướng tiến bộ trong những năm gần đây, tuy nhiên so với cơ cấu kinh tế của thành phố, cơ cấu kinh tế quận các ngành vẫn còn chênh lệnh nhiều.

***Thu ngân sách***

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận trong những năm qua đã đạt được một số kết quả tốt. Tuy nhiên huy động ngân sách nhà nước trên địa bàn so với các quận, huyện khác trong thành phố còn ở mức thấp .

**Những thuận lợi, khó khăn ở quận Ngũ Hành Sơn**

**** Cơ hội:***

- Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển

- Sự hình thành tuyến hành lang Đông Tây và đường Xuyên á

- Sự phát triển của các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

- Nền chính trị của nước ta rất ổn định

- ...

**** Thách thức*:**

- Thách thức lớn nhất vẫn là tình trạng thấp kém của nền kinh tế trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, khoảng cách về trình độ phát triển giữa Ngũ Hành Sơn với các quận trên địa bàn thành phố còn lớn

- Yêu cầu ngày càng cao về trình độ và năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước.

- ...

**** Điểm mạnh:***

- Đất đai trên địa bàn quận còn là động lực tích cực trong quá trình phát triển.

- Lợi thế về kinh tế biển là tiền đề phát triển du lịch trên địa bàn quận.

- Có trục giao thông ven biển Sơn Trà- Điện Ngọc chạy qua là thế mạnh để giao lưu kinh tế với bên ngoài.

- Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng dịch vụ -công nghiệp – nông nghiệp, phù hợp với định hướng chung của thành phố và của quận.

- ...

*** Điểm yếu**

- Quy mô của nền kinh tế vẫn còn nhỏ, phân tán, chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng GDP của thành phố Đà Nẵng.

- Kinh tế tăng trưởng cao nhưng không ổn định

- Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng có lợi nhưng vẫn còn chậm

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đã được quan tâm đầu tư nhưng còn nhiều hạn chế, chưa có sức hấp dẫn mạnh đối với các nhà đầu tư

- Nguồn nhân lực dồi dào nhưng tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn lớn, năng suất lao động thấp, lao động thủ công chiếm tỷ trọng còn khá lớn.

## 2.2. THỰC TRẠNG CẢI THIỆN SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.2.1. Tình hình suy dinh dưỡng trẻ em mầm non tại địa bàn quận Ngũ Hành Sơn

Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em quận Ngũ Hành Sơn trong giai đoạn 2011 – 2013 đã được cải thiện. Số liệu bảng 2.2. tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) ở học sinh lớp nhà trẻ trong các trường mầm non trên địa bàn quận giảm từ 3,4% năm 2011 xuống còn 2% vào năm 2013. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) ở học sinh lớp mẫu giáo trong các trường mầm non trên địa bàn quận giảm từ 2.8% năm 2011 xuống còn 2% vào năm 2013

và không có cháu nào bị suy dinh dưỡng nặng.

Tuy nhiên, trên địa bàn quận, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở học sinh lớp nhà trẻ lại tăng lên từ 2.9% năm 2011 lên 4.9% vào năm 2013; Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở học sinh lớp mẫu giáo giảm từ 3.4% năm 2011 xuống còn 3.1% vào năm 2013.

Nhìn chung, tỷ lệ suy dinh dưỡng đang giảm dần, đặc biệt là suy dinh dưỡng nặng giảm đáng kể. Tuy nhiên, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi còn ở mức cao, bởi những bất cập sau:

+ Công tác tổ chức quản lý tốt việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ mầm non

+ Công tác quản lý bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế để hạn chế suy dinh dưỡng

+ Công tác quản lý vệ sinh môi trường

+ Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của bà mẹ gây SDD bào thai

+ Chế độ nuôi dưỡng: khẩu phần thiếu hụt protein năng lượng và các vi chất dinh dưỡng

+ Bệnh tật: các bệnh nhiễm khuẩn tái đi tái lại nhiều lần trong 2 năm đầu tiên

+ Di truyền: trong gia đình nếu bố mẹ có chiều cao thấp

**2.2.2. Tình hình quản lý cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ trong các trường mầm non**

Những năm qua việc quản lý cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ trong các trường mầm non trên địa bàn đã được chú trọng thực hiện. Phòng giáo dục và y tế quận đã có quy định về tiêu chuẩn chất lượng cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ trong các trường

mầm non trên địa bàn và thông báo cho các trường mầm non một cách công khai.

Bảng 2.3 cho thấy:

- 100% các trường mầm non công lập và tư thục có lập thực đơn hàng tuần.

- Chỉ có 70% số trường mầm non công lập và 50% trường mầm non tư thục có thực đơn cung cấp đủ năng lượng từ 800 – 1000 Kcal trung bình cho mỗi trẻ.

- Chỉ có 30% trường mầm non công lập và 20% trường mầm non tư thục có thực đơn đảm bảo tỉ lệ P:L:G = 15:20:65 (%).

- Tất cả các thực đơn của các trường đều chưa đảm bảo được tỷ lệ protid động vật chiếm 50% tổng số protid, và tỷ lệ lipid thực vật chiếm 30% tổng số lipid do thức ăn cung cấp.

Kết quả kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong các bếp ăn của các trường ở Quận cho thấy:

- 100% số trường mầm non công lập và 100% số trường mầm non tư thục đều đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tất cả các bếp ăn đều được bố trí theo nguyên tắc một chiều.

- Các nhân viên phục vụ trong nhà bếp đều được khám sức khỏe định kỳ, hằng năm đều được tập huấn kiến thức Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên thông qua thăm dò của phòng giáo dục quận về quản lý cung cấp lương thực thực phẩm cho trẻ mầm non có những điểm chưa tốt như tổng hợp ý kiến trong bảng 2.4.

Như vậy, trong công tác này khâu như công tác theo dõi, giám sát và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn quy định và xử lý và điều chỉnh các vi phạm về chất lượng lượng lương thực thực

phẩm cho trẻ cũng như những hàng hóa dịch vụ liên quan đã được đánh giá chưa tốt.

**2.2.3. Thực trạng chính sách bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế trong các trường mầm non trên địa bàn quận NHS**

Từ hình 2.3 có mấy nhận xét sau:

- Có 90% trường mầm non công lập và 70% trường mầm non tư thục có phòng y tế riêng, đảm bảo diện tích đạt trên 12 $m^2$.

- 100% trường mầm non công lập có cán bộ y tế có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong khi đó chỉ có 60% trường mầm non tư thục có cán bộ y tế chuyên trách.

- Có 80% trường mầm non công lập và 70% trường mầm non tư thục có giường y tế theo đúng quy định.

- 100% trường mầm non công lập có đầy đủ các dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu và tủ thuốc y tế, trong khi đó 80% số trường tư có tủ thuốc y tế và chỉ có 40% số trường mầm non tư thục có dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu.

- 100% các trường mầm non công lập và tư thục đều có tổ chức khám sức khỏe và phân loại sức khỏe cho trẻ định kỳ mỗi năm hai lần.

Rõ ràng khối các trường công lập chấp hành và đảm bảo đầy đủ các điều kiện chăm sóc y tế cho trẻ hơn các cơ sở dân lập. Chất lượng đảm bảo các điều kiện chăm sóc y tế cho trẻ có sự khác biệt giữa hai khu vực. Từ đây cũng cho thấy cần có sự hỗ trợ và tài trợ rất lớn cho các trường dân lập để bảo đảm tốt hơn. Phải nhanh chóng tìm nguồn và hỗ trợ khu vực dân lập có cán bộ y tế chuyên trách mà một mình cơ sở không thể giải quyết được.

Để đánh giá chất lượng công tác bảo đảm các điều kiện chăm sóc y tế trong các trường mầm non, phòng nội vụ và giáo dục quận

đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến nhằm hoàn thiện việc chỉ đạo thực hiện công tác này của  các cơ quan chức năng của quận.

Từ bảng 2.5 cho thấy việc thực hiện các quy định bảo đảm bảo đảm các điều kiện chăm sóc y tế trong các trường mầm non được ban hanh không dễ để thực hiện, chỉ có 30% cơ sở cho là dễ thực hiện, đây chủ yếu là công lập.

Các biện pháp hỗ trợ của các cơ quan chính quyền chưa thực sự phù hợp và giúp cho cơ sở thực hiện đúng quy định chỉ được 47% ý kiến đồng ý có nghĩa là đa số đánh giá là không phù hợp và vì vậy cơ sở không thực hiện đúng quy định.

Cán bộ của các cơ quan chức năng của quận làm việc với các cơ sở vừa làm chức năng quản lý vừa làm chức năng tư vấn về vấn đề này nhất là lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Tuy đa phần đánh giá cán bộ nhà nước hiểu rõ chuyên môn khi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cơ sở nhưng vẫn có tới 38% đánh giá cán bộ chưa nắm vững chuyên môn. Đây là một trong các vấn đề mà các cơ quan nhà nước đang giải quyết thông qua cải cách hành chính công.

**2.2.4. Thực trạng công tác vệ sinh môi trường trong các trường mầm non**

Từ tầm quan trọng của vấn đề như vậy nên các cơ quan chính quyền đã ban hành các quy định về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trong các trường mầm non.

Hình 2.4 cho thấy :

-100% các trường mầm non công lập và  tư thục đều đạt điều kiện về đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tất cả các trường mầm non đều có thực hiện phong trào Xanh – Sạch – Đẹp.

Về diện tích phòng học, với quy định đã ban hành khi xây dựng trường mầm non, diện tích phòng sinh hoạt chung (còn gọi là phòng học) của trẻ phải đảm bảo từ 1,5 $m^2$ đến 1,8 $m^2$/trẻ.

Hình 2.5 thể hiện tình hình thực hiện của các trường, cụ thể:

- Có đến 70% số trường trong tổng số trường mầm non công lập có một số phòng học chưa đảm bảo diện tích so với số lượng học sinh.

- Trong tổng số trường mầm non tư thục, chỉ có 20% số trường là có một số phòng học chưa đảm bảo diện tích so với số lượng học sinh.

- Các trường có số phòng học không đảm bảo diện tích phòng học chủ yếu tập trung vào các lớp có trẻ thuộc nhóm tuổi 4-6 tuổi.

Hình 2.6 cho thấy:

- Trong các trường mầm non công lập, có đến 40% số trường có một số phòng học chưa đảm bảo đúng độ chiếu sáng theo quy định, độ chiếu sáng chỉ đạt dưới 100 lux.

- Có đến 20% trong tổng số trường mầm non tư thục chưa đảm bảo được độ chiếu sáng trong các phòng học.

Như vậy diện tích phòng học không đủ chuẩn đang là vấn đề lớn không dễ gì khắc phục. Cả trường công và tư thục đều không bảo đảm diện tích các phòng học, nhưng các trường công có tỷ lệ không bảo đảm lớn hơn nhiều.

Kết quả lấy ý kiến khảo sát của các cơ quan chức năng quận cho thấy trong bảng 2.6.

**Bảng 2.6 Đánh giá về chất lượng chỉ đạo thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong các trường mầm non của các cơ quan quận**

| | % đánh giá |
|---|---|
| Có nhu cầu đất để mở rộng diện tích và cải tạo phòng học theo chuẩn (% đồng ý) | 100 |
| Khó khăn nhất cho cơ sở để thực hiện chuẩn về vệ sinh môi trường là thiếu đất (% đồng ý) | 100 |
| Có phải công tác quy hoạch mạng lưới trường mầm non không hợp lý (% đồng ý) | 77 |
| Các quy định về vệ sinh môi trường ra đời sau trường(% đồng ý) | 38 |
| Các cơ quan chính quyền nắm rõ khó khăn và đã tham gia tháo gỡ (% đồng ý) | 53 |

*(Nguồn: Phòng giáo dục và Nội vụ Quận Ngũ Hành Sơn)*

**2.2.5. Tình hình cải thiện chăm sóc trẻ em**

Việc thực hiện các chức năng quản lý đã tác động nhất định tới chất lượng chăm sóc trẻ. Theo đánh giá của cha mẹ học sinh như thể hiện trên hình 2.7. Theo ý kiến đánh giá thì rõ ràng sức khỏe của trẻ tốt hơn được đánh giá với 88% ý kiến tốt hơn. Điều này cũng có nghĩa là trẻ giảm được suy dinh dưỡng. Số trẻ được tham gia vào chương trình khám sức khỏe đã tăng đáng kể.

Các ngành, đoàn thể và UBND các phường phối hợp tổ chức thực hiện tốt việc tuyên truyền và chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tỷ lệ tử vong mẹ liên quan đến thai sản, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng và tử vong trẻ em.

Triển khai thực hiện tốt việc cấp phát thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em của hộ gia đình nghèo và trẻ em là đối tượng bảo trợ xã hội, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích.

Tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em trong cộng đồng, tập trung các loại tai nạn thương tích hay xảy ra cho trẻ em.

Trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn hiện nay, mỗi phường đều có trạm y tế nên 100% số bà mẹ và trẻ em tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe.

Hàng tháng các chi hội phụ nữ ở các tổ dân phố ở các phường tổ chức họp thường kỳ, kết hợp tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em.

Tuy nhiên chất lượng chăm sóc trẻ vẫn còn những mặt chưa tốt như kỹ năng sống của trẻ chưa cao và mức độ tự lập của trẻ cũng không khá hơn. Rõ ràng đây là những vấn đề cần phải giải quyết.

## 2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN; NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

### 2.3.1 Đánh giá chung về tình hình phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Trong 5 năm qua, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn nói chung đã được cải thiện rõ rệt. Thực hiện chiến lược phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em là một trong những nội dung quan trọng của thành phố Đà nẵng nói chung và của quận Ngũ Hành Sơn nói riêng. Đây là công việc nằm trong khuôn khổ chương trình quốc gia và được thực hiện từ nhiều năm qua.

Thực trạng tỷ lệ SDDTE trong các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn vẫn còn cao như đã đề cập ở các phần trước.

Có nhiều nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp dẫn đến tình trạng này. Các nguyên nhân tồn tại ở các phạm vi khác nhau từ gia đình đến cộng đồng.

**2.3.2. Những khó khăn và hạn chế**

Mạng lưới triển khai hoạt động về dinh dưỡng còn chưa ổn định, thiếu đồng bộ. Đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở cả cộng đồng, trường học và trong bệnh viện còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Kinh phí đầu tư cho công tác dinh dưỡng mới chỉ tập trung được cho công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi mà chủ yếu là phòng chống suy dinh dưỡng thể nhẹ cân. Còn nhiều vấn đề dinh dưỡng quan trọng khác như phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức.

Việc phối hợp liên ngành trong một số hoạt động còn mang tính hình thức, kinh phí dành cho hoạt động dinh dưỡng còn hạn chế, thiếu sự điều phối thống nhất trong tổng thể chung.

**2.3.3. Nguyên nhân của những khó khăn và hạn chế**

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

# CHƯƠNG 3
# CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN

## 3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI

**3.1.1. Căn cứ đề xuất giải pháp**

**3.1.2. Bối cảnh kinh tế xã hội và các vấn đề về dinh dưỡng trẻ em trong 10 năm tới**

***a. Bối cảnh kinh tế xã hội***

***b. Các vấn đề dinh dưỡng cần giải quyết***

## 3.2. CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.

### 3.2.1. Nhóm giải pháp cải thiện quản lý việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho trẻ mầm non

Tiếp tục thực hiện duy trì và thực hiện tốt hơn việc tổ chức ban hành tiêu chuẩn và quy định về chất lượng lương thực thực phẩm cho trẻ mầm non, thường xuyên cập nhật để co những thay đổi các quy định về tiêu chuẩn cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhất là trong bối cảnh các hội nhập mở cửa hiện nay.

Cần có nhiều hình thức tổ chức thông tin tuyên truyền cho các đối tượng liên quan về các tiêu chuẩn quy định này.

Riêng với công tác hỗ trợ cơ sở vật chất và điều kiện để thực hiện như cung cấp tài liệu, tư vấn chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở mần non cần phải xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên môn cho các cơ sở mầm non và giúp họ thường xuyên việc kiểm soát tỉnh hình thực hiện các quy định cung cấp dinh dưỡng cho trẻ.

Để khắc phục và hoàn thiện công tác theo dỏi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các quy định hiện nay. Một điểm quan trọng là việc tiến hành phải công khai minh bạch, rõ ràng và khách quan.

Việc xử lý các vụ việc vi phạm dù chưa nghiêm trọng cũng cần nghiêm túc và công khai

Cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính công nói chung và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nói riêng.

Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra tại bếp ăn tập thể ở các trường

Ngoài ra còn cần thực hiện tốt các công tác sau đây.

*Giáo dục và phổ cập kiến thức dinh dưỡng cho toàn dân*

*Đảm bảo an ninh thực phẩm ở cấp hộ gia đình*

*Đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm*

Áp dụng triệt để mười lới khuyên vàng trong chế biến an toàn thực phẩm: *Chọn thực phẩm an toàn; Nấu chín kỹ thức ăn; Nguyên tắc 3: ăn ngay thức ăn sau khi nấu; Bảo quản cẩn thận các thức ăn đã nấu chín; Nguyên tắc 5: Nấu lại thức ăn thật kỹ; Tránh tiếp xúc giữa thức ăn chín và sống; Rửa tay sạch; Giữ sạch các bề mặt chế biến thức ăn; Che đậy thực phẩm tránh côn trùng và các động vật khác; Sử dụng nguồn nước sạch an toàn.*

**3.2.2. Giải pháp cải thiện chính sách bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế trong các trường mầm non trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn.**

Cần nâng cao nhận thức sự cần thiết và bắt buộc phải thực hiện. Mặt khác các biện pháp hành chính trong việc thực hiện các quy định này là rất cần thiết.

Tập trung hỗ trợ và tài trợ thêm nguồn lực cho các trường mầm non dân lập để có thể thực hiện tốt các quy định bảo đảm tốt hơn bảo đảm điều kiện chăm sóc y tế cho trẻ.

Phải nhanh chóng tìm nguồn và hỗ trợ khu vực dân lập có cán bộ y tế chuyên trách mà một mình cơ sở không thể giải quyết được.

Bảo đảm nguồn nhân lực đủ về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng.

Vấn đề nhân sự y tế cho các cơ sở mầm non y tế là yêu cầu cấp bách nhưng không vì thế mà đào tạo tràn lan không có chất lượng.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chức năng cần xây dựng chuẩn công việc và hệ thống thông tin cần cập nhật và

cơ chế thực hiện cập nhật thông tin về mọi mặt của cơ sở y tế trong các trường mầm non.

**3.2.3. Giải pháp cải thiện công tác vệ sinh môi trường trong các trường mầm non**

Cần thiết phải rà soát lại quy hoạch mạng lưới trường học nói chung và mầm non nói riêng trên địa bàn quận để bổ sung, điều chỉnh kịp thời tránh mắc lại trong tương lai

Tập trung nỗ lực tìm kiếm nguồn lực và đất đai để giải quyết những khó khăn về diện tích phòng học.

Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa mở rộng mạng lưới trường lớp đi cùng với hỗ trợ về chuyên môn và quản lý chặt chẽ chất lượng

Tiếp tục duy trì việc thực hiện tốt các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường như có sân chơi và cây xanh

Tăng cường cơ sở vật chất trong các trường, các trường phải bảo đảm điều kiện để đủ tiêu chuẩn ánh sáng.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền cho trẻ trong các trường mầm non ý thức thực hiện vệ sinh môi trường.

**3.2.4. Giải pháp cải thiện quản lý chăm sóc trẻ em trong các trường mầm non của quận Ngũ Hành Sơn.**

Để nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ cần thiết phải đổi mới hình thức tổ chức, đổi mới phương pháp dạy học cho trẻ mầm non

Trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non, ngoài phương pháp giáo dục truyền thống còn có nhiều phương pháp dạy học khác như phương pháp Montessori, phương pháp "Nhúng bàn tay vào bột", phương pháp dạy học tích cực...

Các phương pháp dạy học cho trẻ mầm non đều hướng vào đứa trẻ, phát huy tính tích cực của trẻ trong các hoạt động.

Xã hội đòi hỏi ngày càng cao đối với Giáo dục Mầm non. Ngược lại, để Giáo dục Mầm non hoàn thành sứ mạng của mình thì xã hội cần đầu tư, quan tâm hơn nữa đối với bậc học này.

Thực hiện xã hội hoá, phối hợp liên ngành ở mọi cấp, giúp các gia đình chủ động tham gia vào phòng chống suy dinh dưỡng; tổ chức các chiến dịch truyền thông và đẩy mạnh các phong trào xã hội để nhân dân quan tâm hơn đến việc phòng chống suy dinh dưỡng.

Tăng cường giám sát các hoạt động và đánh giá mục tiêu giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em và bà mẹ.

**3.2.5. Nhóm giải pháp khác**

***a. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho chăm sóc dinh dưỡng***

Thực hiện đủ các chế độ nghỉ sinh, thai sản cho bà mẹ; thực hiện các chính sách về phụ nữ, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho người nghèo; các chính sách và qui định về phúc lợi xã hội; ...

***b. Xã hội hóa công tác dinh dưỡng***

Hoạt động dinh dưỡng cần có sự cộng đồng trách nhiệm của tất cả các cấp ủy Đảng và chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội, ...

***c. Đầu tư kinh phí***

Hàng năm, trên cơ sở thực trạng về công tác phòng chống suy dinh dưỡng thành phố sẽ bổ sung nguồn ngân sách thích ứng của thành phố để tạo điều kiện triển khai các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng từ các tuyến quận, huyện, xã, phường được thuận lợi.

## TÓM TẮT CHƯƠNG 3

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## KẾT LUẬN

Suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn phổ biến ở mức ý nghĩa sức khỏe cộng đồng trên nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Bệnh gây nhiều hậu quả không tốt đến phát triển trí tuệ và thể lực những năm sau này. Về mặt xã hội, suy dinh dưỡng kìm hãm và gây nhiều thiệt hại về kinh tế bởi nó trực tiếp ảnh hưởng tới nguồn nhân lực, ảnh hưởng tới giống nòi. Tỷ lệ suy dinh dưỡng cao thường đi đôi với nghèo đói.

## KIẾN NGHỊ

1/ Nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là các cấp chính quyền về tầm quan trọng của giải quyết vấn đề nghèo đói trong phát triển đô thị nói chung và phòng chống suy dinh dưỡng nói riêng. Tìm giải pháp tổng thể để giảm nghèo trở thành giải pháp tổng hợp quan trọng nhất trong phát triển đô thị, thành phố. Trong nhiều giải pháp giảm nghèo thì vấn đề chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng đa dạng sản xuất để vừa tăng thu nhập, vừa tham gia tốt hơn dinh dưỡng cho khẩu phần ăn hàng ngày của các hộ dân.

2/ Để hỗ trợ chiến lược phòng chống SDDTE, hệ thống y tế chuyên trách và chính quyền địa phương tăng cường hơn nữa công tác truyền thông để góp phần nâng cao kiến thức chăm sóc trẻ của bà mẹ và sức khỏe của chính các bà mẹ trong giai đoạn sinh sản.

3/ Chính quyền địa phương và Nhà nước, Trung ương cần tăng hỗ trợ tài chính và nâng cao năng lực cho lực lượng cộng tác viên nhằm phục vụ tốt hơn nữa các hoạt động phòng chống SDDTE tại cộng đồng.